

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động tháng 02 và kế hoạch công tác tháng 3 năm 2015

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Sản xuất nông nghiệp có những thuận lợi cơ bản: Các loại dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi và động vật thủy sản không phát sinh; giá cả một số nông sản như lúa, tôm sú, tôm chân trắng, heo hơi ổn định ở mức khá. Tuy nhiên, thời tiết lạnh kéo dài làm chậm tiến độ thả nuôi thủy sản vùng nước mặn, lợ; sản lượng thủy sản ở vùng nước ngọt giảm so cùng kỳ; độ mặn tại các cống đầu nguồn tăng cao gây khó khăn cho việc tiếp nước ngọt vào nội đồng, dẫn đến tình trạng thiếu nước bơm tác cục bộ tại một số vùng. Ngành nông nghiệp tập trung thực hiện đạt yêu cầu các nhiệm vụ năm 2015 theo tiến độ, cụ thể như sau:

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT

1. Nông nghiệp:

a) Trồng trọt:

- Cây lúa:

+ Vụ Thu Đông-mùa: Thu hoạch 3.052 ha, nâng tổng diện tích thu hoạch đến nay dứt điểm 89.209 ha, đạt 100% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 5,34 tấn/ha (cao hơn cùng kỳ 0,03 tấn/ha).

+ Vụ Đông Xuân: Xuống giống 945 ha, nâng tổng diện tích xuống giống đến nay 68.931 ha, vượt 6,87% kế hoạch (cao hơn cùng kỳ 2.483 ha). Tổng diện tích nhiễm sâu bệnh 6.540 ha (tăng 3.906 ha), gồm: Chuột 2.551 ha, tỉ lệ gây hại 1-5% trên trà lúa đẻ nhánh đến làm đồng ở huyện Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang; rầy nâu 2.107 ha, mật số 500-1.000 con/m², cục bộ có 513 ha mật số 1.000-3.000 con/m² và 1,5 ha mật số 3.000-6.000 con/m² tập trung ở xã Tân An, huyện Càng Long; cháy bìa lá 927 ha tỉ lệ 10-20%, cục bộ 225 ha tỉ lệ 20-30% tập trung ở các xã Song Lộc, Đa Lộc, Thanh Mỹ, Phước Hảo, huyện Châu Thành; bệnh đạo ôn lá 321 ha, tỷ lệ từ 5-10% tập trung ở các huyện Cầu Kè, Trà Cú; còn lại là một số đối tượng gây hại khác như lem lép hạt, bọ trĩ, sâu cuốn lá, tuy nhiên mức độ nhẹ. Theo tổng hợp từ Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, diện tích lúa Đông xuân bị thiếu nước bơm tác 9.185 ha gồm: Trà Cú 3.300 ha, Tiểu Cần 2.550 ha, Châu Thành 2.145 ha, Cầu Ngang 950 ha, Cầu Kè 240 ha.

- Cây màu: Gieo trồng 6.400 ha, nâng tổng diện tích đến nay 18.875 ha, đạt 29,64% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 275 ha (màu lương thực 2.298 ha, màu thực phẩm 9.798 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 6.779 ha).

b) Chăn nuôi:

- Tình hình chăn nuôi: Tập trung tăng đàn vật nuôi để phục vụ trong dịp tết Nguyên Đán năm 2015.

- Tình hình dịch bệnh: Nhờ chủ động trong công tác phòng, chống dịch bệnh nên trong tháng qua dịch cúm gia cầm, LMLM và tai xanh trên heo tiếp tục được kiểm soát; các loại dịch bệnh khác xảy ra quy mô nhỏ lẻ, thiệt hại không đáng kể.

2. Lâm nghiệp: Thực hiện vệ sinh phòng cháy chữa cháy 78 ha rừng; kiểm tra công tác chuẩn bị giống, khảo sát mặt bằng và chuẩn bị thiết kế trồng rừng năm 2015. Kiểm tra, đôn đốc các hộ nhận khoán, chăm sóc rừng tổ chức trồng dặm, đảm bảo mật độ và tỷ lệ sống theo đúng quy định. Tham gia cùng đoàn nghiệm thu phúc tra công trình trồng rừng phòng hộ của Công ty TNHH TM-DV Mùa Vàng. Tổ chức 62 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản, không phát hiện vi phạm; cấp 01 giấy phép gây nuôi động vật hoang dã và 01 giấy phép xuất bán động vật rừng. Xây dựng kế hoạch lấy mẫu và kinh phí phòng trừ sâu hại trên cây phi lao.

3. Thủy sản:

- Nuôi trồng thủy sản: Thả nuôi 9.969 ha; thu hoạch 4.187 tấn. Nâng tổng diện tích thả nuôi đến nay 15.926 ha; sản lượng thu hoạch 7.156 tấn (3.635 tấn cá lóc, 451 tấn tôm sú, 708 tấn tôm thẻ chân trắng, 451 tấn cua biển, 366 tấn cá tra...), đạt 6,5% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 1.702 tấn, trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 268,6 triệu con tôm sú giống (3.798 ha); 122,8 triệu con tôm thẻ chân trắng (258 ha); 15,7 triệu con cua biển (4.121 ha); thu hoạch 1.044 tấn thủy sản các loại. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 532,8 triệu con tôm sú giống (8.274,7 ha); 362,8 triệu con giống tôm chân trắng (687,3 ha); 124,6 triệu con cua biển giống (6.853 ha); thu hoạch 1.643 tấn, cao hơn cùng kỳ 883 tấn. Tuy nhiên, có 2,48 triệu con tôm sú giống (chiếm 0,47%) và 83,2 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 22,9%) bị thiệt hại. Nguyên nhân, do thời tiết lạnh, môi trường nước chưa ổn định, làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi, tôm chết trong giai đoạn từ 20 – 60 ngày tuổi, biểu hiện bệnh đốm trắng, đỏ thân, gan tụy.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 10,6 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 74 ha (cá lóc 8,6 triệu con, diện tích 28,8 ha); thu hoạch 3.143 tấn. Lũy kế từ đầu vụ đến nay thả nuôi 16,7 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 136,5 ha (cá tra 220 ngàn con, diện tích 0,4 ha; cá lóc 12,5 ngàn con, diện tích 36,6 ha; còn lại là các loại cá khác); sản lượng thu hoạch 5.513 tấn (thấp hơn cùng kỳ 2.585 tấn) đạt 9,1% kế hoạch.

- Khai thác thủy sản: Toàn tỉnh có 1.207 tàu khai thác hải sản được đăng ký, tổng công suất 85.008 CV (200 tàu có công suất từ 90 CV trở lên). Sản lượng khai thác trong tháng 5.296 tấn (808 tấn tôm). Nâng tổng sản lượng khai thác đến nay 12.202 tấn (2.246 tấn tôm), đạt 14,7% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 1.090 tấn, trong đó:

+ Khai thác nội đồng: 966 tấn (388 tấn tôm). Nâng tổng số đến nay 2.144 tấn (817 tấn tôm), đạt 14,8% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 247 tấn.

+ Khai thác hải sản: 4.330 tấn (420 tấn tôm). Nâng tổng số đến nay 10.057 tấn (1.429 tấn tôm) đạt 14,7% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 842 tấn.

- Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 588 tấn thủy sản (41 tấn tôm sú), chế biến 239 tấn, tiêu thụ 180 tấn, kim ngạch xuất khẩu 1,4 triệu USD. Nâng tổng số đến nay thu mua 656 tấn thủy sản (53 tấn tôm sú), chế biến 287 tấn, tiêu thụ 260 tấn, kim ngạch xuất khẩu 2,37 triệu USD.

III. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN NGÀNH:

1. Công tác phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi:

- Phân công cán bộ kỹ thuật phụ trách địa bàn kiểm tra, khoanh vùng và hướng dẫn nông dân phòng trị các đối tượng như rầy nâu, chuột...; gửi 15 thông báo tình hình rầy nâu về địa phương để hướng dẫn nông dân phòng trị kịp thời; vận động nông dân ra quân phòng trừ chuột bằng nhiều biện pháp và sử dụng 2.500 kg thuốc thuốc các loại trên diện rộng.

- Thực hiện tiêm vaccine phòng cúm cho 355.927 con gia cầm, vaccine thường xuyên cho 40.507 con gia súc và 98.753 liều các loại vaccine khác; kiểm dịch 266.415 con gia cầm, 6.562 con gia súc, 47 tấn thịt gia súc và 3,59 triệu quả trứng. Nâng tổng số đến nay tiêm vaccine phòng cúm cho 632.430 con gia cầm (gà 241.428 con, vịt 391.002 con); vaccine thường xuyên cho 64.335 con gia súc (dịch tả 23.087 con; tụ huyết trùng 21.130 con; phó thương hàn 20.118 con) và 185.533 liều các loại vaccine khác; kiểm dịch 332.767 con gia cầm, 9.465 con gia súc, 57 tấn thịt gia súc và 4,35 triệu trứng gia cầm.

- Kiểm dịch 13,47 triệu con tôm sú giống, 38 triệu con tôm thẻ chân trắng; kiểm tra vệ sinh thú y 14 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống; thực hiện 08 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước phục vụ nuôi thủy sản; thu 12 mẫu giáp xác tại các tuyến sông đầu nguồn. Nâng tổng số đến nay kiểm dịch 35 triệu con tôm sú giống, 123 triệu con tôm thẻ chân trắng; kiểm tra vệ sinh thú y 85 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống; thực hiện 33 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước phục vụ nuôi thủy sản; thu 12 mẫu giáp xác tại các tuyến sông đầu nguồn phân tích bệnh đốm trắng, thông báo để nông dân quản lý ao nuôi, kết quả có 13 mẫu nhiễm bệnh đốm trắng.

2. Công tác chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật:

Tổ chức 05 lớp tập huấn kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú cho 140 lượt người. Phân công cán bộ xuống địa bàn 02 huyện Cầu Ngang, Duyên Hải trực tiếp tư vấn kỹ thuật nuôi thủy sản cho 288 lượt hộ. Kết hợp Đài truyền hình Trà Vinh thực hiện 01 chuyên mục khuyến ngư về nuôi tôm an toàn sinh học. Nâng tổng số đến nay thực hiện 02 chuyên mục, trực tiếp tư vấn kỹ thuật nuôi thủy sản cho 288 lượt hộ; tiếp tục theo dõi các mô hình trình diễn đang thực hiện như mô hình nuôi kết hợp tôm sú, cá rô phi; tôm sú, cua, cá...

3. Công tác thủy lợi và PCLB:

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án Khảo sát, đánh giá và dự báo tình hình sạt lở bờ sông trên địa bàn tỉnh trong điều kiện biến đổi khí hậu-nước biển dâng; theo dõi tiến độ lập dự án Quy hoạch thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030, đến nay đạt 70% khối lượng công việc.

- Chuẩn bị đấu thầu Công trình duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2015.

- Tổ chức 16 đợt kiểm tra an toàn các tuyến đê, phát hiện 07 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay tổ chức 30 đợt kiểm tra an toàn các tuyến đê, phát hiện 15 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã xử lý theo quy định.

4. Công tác xây dựng cơ bản:

Hoàn chỉnh hồ sơ triển khai thực hiện 04 dự án khởi công mới, tiếp tục thực hiện 13 dự án chuyển tiếp (09 công trình phục vụ nuôi trồng thủy sản, 02 công trình phục vụ sản xuất lúa, màu, 05 công trình đê, kè; 01 công trình dân dụng). Trong năm 2015 chưa phát sinh khối lượng mới và chưa giải ngân.

5. Sản xuất và cung ứng giống:

- Giống nông nghiệp:

+ Giống cây trồng: Vụ Đông Xuân khảo nghiệm và chọn dòng phân ly 03 bộ giống (A₀, A₁, Trà Vinh), diện tích 0,6 ha, hiện đang phát triển bình thường. Tổ chức nhân giống lúa, diện tích 22 ha trên địa bàn huyện Càng Long; tiếp tục nhân giống 01 ha bưởi da xanh tại huyện Châu Thành; tổ chức sản xuất 17 ha lúa giống (cấp nguyên chủng 12 ha), đang trong giai đoạn đẻ nhánh đến làm đòng, phát triển tốt. Tiếp tục chăm sóc vườn cây ăn trái, chiết 300 nhánh bưởi da xanh, bình tuyển, ươm 480 trái dừa dứa chuẩn bị cung cấp giống cho nông dân. Cung ứng 0,1 tấn lúa giống và 43 cây giống các loại, nâng tổng số đến nay cung ứng 9,5 tấn lúa giống (0,5 tấn nguyên chủng) và 458 cây giống các loại.

+ Giống vật nuôi: Tập trung chăm sóc 44 con bò giống và bê con, (30 con bò cái sinh sản, 02 con bò đực giống, 12 con bê); cải tạo đất, bón phân, chăm sóc 01 ha cỏ làm thức ăn tươi cho đàn bò.

+ Giống thủy sản: Nuôi vỗ đàn cá tra bố mẹ, chuẩn bị sản xuất giống cá tra, tôm càng xanh toàn đực; xuất bán 1,06 triệu con post tôm sú, nâng tổng số đến nay xuất bán 1,91 triệu con post tôm sú.

5. Công tác phát triển nông thôn:

a) *Công tác nông thôn mới:* Tham mưu tổ chức Hội nghị trực tuyến sơ kết chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2014, triển khai kế hoạch năm 2015; thông báo ý kiến kết luận của Bí thư Tỉnh ủy – Trưởng Ban Chỉ đạo tại Hội nghị sơ kết năm 2014; dự thảo Chương trình công tác năm 2015 của Ban Chỉ đạo tỉnh; khảo sát thực tế và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của 12 xã phấn đấu đạt 19/19 tiêu chí trong năm 2015; dự lễ công bố Quyết định cộng nhận xã nông thôn mới tại 11 xã đạt chuẩn.

b) *Quy hoạch bố trí dân cư:* Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu hạng mục san lấp mặt bằng lô 1 Dự án Di dân khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa; thanh toán chi phí bồi hoàn giải phóng mặt bằng hạng mục đường dẫn qua Quốc lộ 60 Dự án Di dân sạt lở xã Đại Phước; tổng hợp phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông, thị trấn Tiểu Cần; kết hợp tổ chức họp dân về phương án bồi hoàn, giải phóng mặt bằng hạng mục đường giao thông nông thôn Dự án Di dân sạt lở ấp Côn Phụng, xã Long Hòa.

c) *Phát triển kinh tế hợp tác (KTHT), hợp tác xã (HTX):* Trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp đến năm 2020; lập kế hoạch tập huấn phát triển kinh tế hợp tác năm 2015; xây dựng kế hoạch đổi mới, tổ chức phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp

theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2014-2020; tham mưu trình UBND tỉnh ban hành quy chế làm việc của Ban điều hành xây dựng cánh đồng lớn.

d) Ngành nghề nông thôn: Trình UBND tỉnh phê duyệt Quy chế xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh; triển khai kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2015.

e) Chương trình nước SH và VSMTNT: Tiếp tục thực hiện 03 dự án chuyên tiếp (xây dựng nhà máy nước sạch xã Trường Long Hòa, Duyên Hải, nâng cấp mở rộng nhà máy nước sạch xã Nhị Long Phú, Càng Long và xây dựng nhà máy nước sạch xã Tân Sơn, Trà Cú); quyết toán dự án nâng cấp mở rộng nhà máy nước sạch xã Ngọc Biên. Lắp đặt cho 825 hộ sử dụng nước máy do ngành đầu tư và cung cấp, nâng tổng số hộ sử dụng nước máy đến tháng 02/2015 là 70.980 hộ.

6. Quản lý Nhà nước chuyên ngành:

a) Quản lý chất lượng nông-lâm-thủy sản: Kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm 02 cơ sở sản xuất, chế biến, 03 tàu cá, kết quả xếp loại: 02 loại A, 03 loại B; tham gia đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra ATVSTP trong dịp Tết nguyên đán 38 cơ sở, kết quả phát hiện 38 trường hợp vi phạm; cấp 07 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 66 mẫu. Nâng tổng số đến nay kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm 12 cơ sở sản xuất, chế biến và 14 lượt tàu cá, kết quả xếp loại: 02 loại A, 09 loại B, 10 loại C, 03 cơ sở, tàu cá ngưng hoạt động; cấp 11 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 84 mẫu (30 mẫu nông sản, 54 mẫu thủy sản).

b) Quản lý tàu cá, cảng cá:

- Kiểm tra an toàn kỹ thuật 62 tàu cá (03 tàu cá ngoài tỉnh), cấp văn bản đóng mới, cải hoán 09 tàu, đăng ký 17 tàu, xóa bộ 05 tàu, cấp 20 số danh bạ thuyền viên, cấp 45 giấy phép khai thác thủy sản, 113 giấy xác nhận thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU. Nâng tổng số đến nay kiểm tra an toàn kỹ thuật 81 tàu cá (06 tàu cá ngoài tỉnh), cấp văn bản đóng mới, cải hoán 10 tàu, đăng ký 20 tàu, xóa bộ 06 tàu, cấp 23 số danh bạ (108 thuyền viên), cấp 56 giấy phép khai thác thủy sản, 114 giấy xác nhận thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU.

- Tổ chức thu phí 1.072 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 976 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 60,7 triệu đồng. Nâng tổng số đến nay tổ chức thu phí 1.462 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.477 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 65 triệu đồng.

c) Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tuyên truyền pháp luật: Tổ chức 11 cuộc tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản cho 389 lượt người. Nâng tổng số đến nay tổ chức 41 cuộc tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản cho 1.271 lượt người.

- Kiểm tra xử lý vi phạm: Tổ chức thanh tra, kiểm tra 11 cơ sở sản xuất, kinh doanh và vận chuyển giống thủy sản, sản xuất, kinh doanh thức ăn, thuốc thú y và 55 tàu cá; thu, phân tích 09 mẫu; ra quyết định xử phạt 13 trường hợp. Nâng tổng số đến nay tổ chức thanh tra, kiểm tra 25 cơ sở sản xuất, kinh doanh và vận chuyển giống thủy sản; sản xuất, kinh doanh thức ăn, thuốc thú y; thu 15

mẫu thức ăn bổ sung dùng trong nuôi thủy sản, thuốc thú y phân tích kiểm tra chất lượng; ra quyết định xử phạt 14 trường hợp vi phạm.

8. Các công tác khác:

- Tổ chức lấy ý kiến đóng góp dự thảo Nghị quyết phát triển ngành nghề nông thôn; Kế hoạch thực hiện tái cơ cấu ngành chăn nuôi.

- Trình UBND tỉnh ban hành hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định số 68/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ.

- Hoàn chỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch xây dựng cánh đồng lớn đến năm 2015.

- Trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Quy hoạch chi tiết nuôi, chế biến cá tra đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; xây dựng hồ sơ yêu và và hồ sơ đề xuất 02 Quy hoạch: Rà soát, điều chỉnh bổ sung Quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và Quy hoạch vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung và định hướng rải vụ một số cây ăn quả trên địa bàn tỉnh.

- Giao dự toán ngân sách năm 2015 cho các đơn vị trực thuộc Sở.

- Tổng hợp tham mưu giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cho các phòng, đơn vị trực thuộc năm 2015.

- Kết hợp kiểm tra tình hình sử dụng đất của Công ty TNHH SEOTRA.

- Báo cáo xin điều chỉnh diện tích trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức phân công trực nghỉ Tết nguyên đán Ất mùi 2015 đảm bảo an toàn cơ quan.

- Phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đón Tết nguyên đán Ất mùi 2015 theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 305/UBND-TH ngày 29/01/2015.

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đạt được:

- Chủ động trong công tác dự tính, dự báo và phòng chống nên các loại dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi tiếp tục được khống chế.

- Công tác tập huấn, hướng dẫn chuyên giao khoa học kỹ thuật ngày càng đi vào chiều sâu, nông dân sử dụng giống lúa có chất lượng nên năng suất đạt khá và cao hơn cùng kỳ.

- Nông dân các huyện Cầu Ngang, Duyên Hải, Châu Thành, Trà Cú tập trung trồng màu mùa khô, các loại rau màu phục vụ Tết nguyên đán và thả nuôi thủy sản với diện tích lớn.

2. Những tồn tại, hạn chế:

- Công tác sản xuất, cung ứng giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh còn nhỏ lẻ, manh mún, công tác quản lý giống cây, con chưa thật sự chặt chẽ.

- Công tác quản lý quy hoạch và lịch thời vụ chưa thật sự chặt chẽ, còn nhiều địa phương sản xuất mang tính tự phát, không theo lịch thời vụ và ngoài vùng quy hoạch.

- Giá cá tra trong thời gian dài ở mức thấp và giá cá lóc sụt giảm nên nông dân giảm diện tích thả nuôi, sản lượng giảm so cùng kỳ.

- Một số địa phương còn chậm trong việc lập kế hoạch và triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành còn lúng túng.

- Việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa kém hiệu quả còn chậm.

V. KẾ HOẠCH THÁNG 3 NĂM 2015

1. Công tác chỉ đạo sản xuất và phòng chống dịch bệnh:

a) Trồng trọt:

- Cây lúa: Tập trung chỉ đạo chăm sóc diện tích lúa Đông xuân; khuyến cáo nông dân thường xuyên thăm đồng để phát hiện và phòng trị kịp thời các loại sâu bệnh đặc biệt là tình hình chuột gây hại, bệnh đạo ôn lá và đạo ôn cổ bông. Tuyên truyền vận động nông dân cày ải, vệ sinh đồng ruộng ở những nơi có điều kiện phục vụ tốt cho sản xuất vụ Hè thu, đặc biệt là các huyện Trà Cú, Cầu Ngang, Duyên Hải.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày: Tiếp tục triển khai kế hoạch trồng màu vụ Đông Xuân năm 2015, nhất là cây màu dưới chân ruộng như bắp, dưa hấu, bí đỏ, rau thực phẩm các loại..., tuyên truyền, vận động nông dân mở rộng diện tích cây màu ở những nơi có điều kiện, đặc biệt là rau an toàn.

b) Chăn nuôi gia súc, gia cầm: Kết hợp chỉ đạo các địa phương tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh đặc biệt là trong điều kiện thời tiết lạnh; tập trung lực lượng tiêm phòng cho đàn vật nuôi nhất là các đàn gia cầm nuôi mới và vịt chạy đồng; tăng cường công tác kiểm dịch vận chuyển động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập tỉnh bằng đường thủy và đường bộ; thực hiện nghiêm việc quản lý nhà nước đối với hoạt động giết mổ và giết mổ tập trung; tiếp tục thực hiện quản lý đàn thông qua hình thức cấp sổ chăn nuôi.

c) Thủy sản: Tiếp tục chỉ đạo hướng dẫn nông dân thả nuôi theo khung lịch thời vụ; phối hợp tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật trong nuôi trồng thủy sản và triển khai Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt; thực hiện quan trắc, cảnh báo môi trường, thu mẫu giáp xác ở các tuyến sông đầu nguồn đại diện cho vùng nuôi; phân công cán bộ kỹ thuật tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật nuôi cho 02 huyện Cầu Ngang và Duyên Hải. Tuyên truyền nông dân thả nuôi con giống có nguồn gốc, chất lượng; theo dõi tiến độ thả nuôi thủy sản nhất là tôm sú và tôm thẻ chân trắng; hướng dẫn nông dân quản lý, chăm sóc tốt diện tích nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng trong điều kiện thời tiết lạnh.

d) Công tác nông thôn mới: Hướng dẫn các xã lập kế hoạch triển khai thực hiện nguồn vốn năm 2015; thông qua UBND tỉnh về kết quả rà soát nhu cầu đầu tư thực hiện hoàn thành các tiêu chí còn lại của 12 xã phân đầu đạt 19/19 tiêu chí trong năm 2015; đề xuất, xin ý kiến UBND tỉnh điều chỉnh Đề án xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh thành Kế hoạch xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2015-2020.

2. Công tác chuyên môn:

- Hoàn chỉnh trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện tái cơ cấu ngành chăn nuôi và tổ chức lấy ý kiến đóng góp Kế hoạch thực hiện tái cơ cấu nuôi trồng thủy sản đến năm 2020.

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và động vật thủy sản năm 2015. Tiếp tục phân công cán bộ

chuyên môn trực tiếp tư vấn và chuyển giao kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản đầu vụ cho nông dân; tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, kỹ thuật sản xuất lúa theo SRI, đặc biệt là sản xuất lúa chất lượng cao, cánh đồng lớn, kỹ thuật trồng cây màu các loại và phòng chống dịch bệnh; chuẩn bị các thủ tục tổ chức triển khai thực hiện các mô hình trình diễn mới năm 2015.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các phần việc trong Kế hoạch hành động thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Thường xuyên kiểm tra độ mặn tại các công đầu mồi, theo dõi cao trình nước, chủ động tiếp nước ngọt khi có điều kiện, chỉ đạo vận hành công phục vụ an toàn cho sản xuất; thường xuyên kiểm tra, khắc phục và gia cố các tuyến đê, kịp thời gia cố khi bị sạt lở; chuẩn bị các thủ tục triển khai các công trình, dự án đầu tư mới năm 2015.

- Triển khai kế hoạch trồng, chăm sóc, khoanh nuôi tái sinh, bảo vệ rừng và trồng cây phân tán năm 2015; trình UBND tỉnh phê duyệt tái cơ cấu ngành lâm nghiệp; triển khai kế hoạch PCCCR năm 2015; thực hiện tuần tra quản lý bảo vệ rừng và động vật hoang dã.

- Chỉ đạo kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y các cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản; quản lý chất lượng con giống sản xuất tại chỗ và nhập tỉnh, đặc biệt là tôm sú và tôm thẻ chân trắng. Tiếp tục kiểm tra chất lượng vật tư đầu vào phục vụ sản xuất; kiểm tra việc chấp hành Luật Thủy sản trong sản xuất, khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Tiếp tục khảo nghiệm, sản xuất và cung ứng giống lúa, cây ăn trái, giống thủy sản; tập trung chuyển giao công nghệ sản xuất giống thủy sản các loại cho các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục chỉ đạo vận hành tốt 165 trạm cấp nước trên địa bàn tỉnh, thực hiện lắp đặt thêm khoảng 720 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh do ngành nông nghiệp cung cấp.

- Quản lý tốt tàu, xe ra vào cảng; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển, thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động tháng 02 và kế hoạch công tác tháng 3/2015, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm góp ý chỉ đạo./. *ly*

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TP;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Minh Trường

BÁO CÁO THÁNG VỀ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP, THỦY SẢN

Tính đến ngày 15/02/2015

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ năm trước	KH vụ/năm 2015	TH tháng 02	Ước TH kỳ này	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2		3	4=3/1	5=3/2
A	NÔNG NGHIỆP							
I.	TRỒNG TRỌT							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	174.250	215.587	7.346	177.016	101,59%	82,11%
1.1.	Cây lương thực có hạt	Ha	157.523	159.050	1.435	159.875	101,49%	100,52%
	Cây lúa	Ha	155.651	151.900	945,5	158.140	101,60%	104,11%
	Vụ Thu Đông-mùa							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	89.202	87.400		89.209,4	100,01%	102,07%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	89.202	87.400	3.052	89.209,4	100,01%	102,07%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	53,08	54,15	33,84	53,40	100,60%	98,61%
	- Sản lượng	tấn	473.511	473.271	10.329	476.378	100,61%	100,66%
	Vụ Đông - Xuân							
	- DT gieo sạ	ha	66.448	64.500	945,5	68.930,9	103,74%	106,87%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	4.764	64.500	544,0	544,0	11,42%	0,84%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	64,55	63,99	61,3	61,3	94,96%	95,79%
	- Sản lượng	tấn	30.752	412.750	3.334,7	3.334,7	10,84%	0,81%
	Cây màu	Ha	18.600	63.687	6.400,9	18.875,3	101,48%	29,64%
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1.873	7.150	489,5	1.734,2	92,60%	24,25%
	- Diện tích thu hoạch	"	97	7.150	103,1	103,1	106,06%	1,44%
	- Năng suất	Tạ/ha	51,22	54,50	53,8	53,8	105,08%	98,75%
	- Sản lượng	Tấn	498	38.968	555,1	555,1	111,44%	1,42%
1.2.	Cây có củ	Ha	591	3.387	218,5	564,2	95,50%	16,66%
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	253	1.516	96,3	249,1	98,42%	16,43%
	+ Diện tích thu hoạch	"	37	1.516	28	28	75,41%	1,86%
	+ Năng suất	Tạ/ha	133,14	165,49	161,3	161,3	121,15%	97,47%
	+ Sản lượng	Tấn	498	25.089	455,2	455,2	91,36%	1,81%
	Sắn							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	199	1.071	74,4	188,7	94,78%	17,62%
	+ Diện tích thu hoạch	"	7	1.071	4,0	4,0	57,14%	0,37%
	+ Năng suất	Tạ/ha	110,19	143,19	137,2	137,2	124,53%	95,83%
	+ Sản lượng	Tấn	77	15.336	54,9	54,9	71,28%	0,36%
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	139	800	47,8	126,3	91,22%	15,79%
	+ Diện tích thu hoạch	"	8	800	6,3	6,3		
1.3.	Cây thực phẩm	Ha	9.447	36.230	2.907,5	9.798,2	103,72%	27,04%
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	9.232	35.430	2.817,8	9.559,9	103,56%	26,98%
	+ Diện tích thu hoạch	"	2.215	35.430	2.312,3	2.302,3	103,93%	6,50%
	+ Năng suất	Tạ/ha	215,30	223,00	223,1	223,1	103,64%	100,06%
	+ Sản lượng	Tấn	47.693	790.089	51.594,8	51.371,7	107,71%	6,50%
	Đậu các loại							

Mã số	Chỉ tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ năm trước	KH vụ/năm 2015	TH tháng 02	Ước TH kỳ này	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ DT gieo trồng	Ha	215	800	89,7	238,3	110,69%	29,78%
	+ Diện tích thu hoạch	Ha	58	800	62,2	62,2	107,69%	7,77%
	+ Năng suất	Tạ/ha	13,81	16,50	16,7	16,7	120,91%	101,21%
	+ Sản lượng	Tấn	80	1.320	103,8	103,8	130,21%	7,86%
1.4	Cây công nghiệp hàng năm		6.689	16.920	2.785,4	6.778,7	101,33%	40,06%
	Đậu phộng	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.348	5.640	1.015,3	2.242,1	95,49%	39,75%
	+ Diện tích thu hoạch	"	106	5.640	195,1	195,1	184,90%	3,46%
	+ Năng suất	Tạ/ha	44,12	53,75	44,9	44,9	101,81%	83,57%
	+ Sản lượng	Tấn	466	30.315	876,5	876,5	188,25%	2,89%
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	3.005	6.300	1.410,0	3.206,0	106,70%	50,89%
	Trong đó: DT trồng mới	"						
	+ Diện tích thu hoạch	"		6.300				
	+ Năng suất	Tạ/ha		1.120				
	+ Sản lượng	Tấn		705.600				
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	936	2.800	246,0	899,0	96,10%	32,11%
	+ Diện tích thu hoạch	"	12	2.800	7	7	58,33%	0,25%
	+ Năng suất	Tạ/ha	94,53	98,00	97,5	97,5	103,13%	99,48%
	+ Sản lượng	Tấn	1.134	27.440	68	68	6,02%	0,25%
	Cây trồng khác	"	401,3	2.300	115,1	431,6	107,55%	18,76%
	+ Cây hàng năm khác	Ha	397	2.180	114,2	428,7	107,93%	19,66%
	+ Dây thuốc cá	"	4	120	0,9	2,9	70,73%	2,42%
2	Cây lâu năm							
3	Cây ăn quả							
II	CHĂN NUÔI							
B	LÂM NGHIỆP							
1.	Lâm sinh							
1.1.	DT rừng trồng tập trung	Ha						
	Trong đó:							
	- Rừng phòng hộ	"						
	- Rừng đặc dụng	"						
	- Rừng sản xuất	"						
	DT trồng lại sau khai thác	Ha						
1.2.	DT rừng trồng được chăm sóc	Ha						
1.3.	DT khoanh nuôi tái sinh	Ha						
1.4.	DT giao khoán bảo vệ	Ha						
1.5.	Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây						
2.	Khai thác							
	- Sản lượng gỗ khai thác	m ³						
	Trong đó: Gỗ rừng trồng	"						
C	DIÊM NGHIỆP							
D	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	14.314,12	47.750	9.968,5	15.926,46	111,26%	33,35%
1.1.	Nuôi nước ngọt	"	226,28	5.000	40,49	107,11	47,34%	2,14%
	- Diện tích nuôi cá	"	222,88	3.500	11,70	70,10	31,45%	2,00%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	2,57	40	-	0,40	15,56%	1,00%

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ năm trước	KH vụ/năm 2015	TH tháng 02	Ước TH kỳ này	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
		"	51,05	290	28,79	36,61	71,71%	12,62%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	3,40	1.500	-	-	0,00%	0,00%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	3,40	1.500	-	-	0,00%	0,00%
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	14.088	42.750	9.928	15.819,4	112,29%	37,00%
	- Diện tích nuôi cá							
	Trong đó: + cá giò, cá song	"						
	+ ...							
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	14.087,8	41.550,0	9.928,1	15.819,4	112,29%	38,07%
	Trong đó: + Tôm sú	"	6.345	19.900	4.948,3	8.278,7	130,47%	41,60%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	932	6.000	258,3	687,3	73,74%	11,46%
	+ Cua biển	"	6.810	15.650	4.721,4	6.853,3	100,63%	43,79%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)	"		1.200				
2.	Thể tích nuôi lồng, bè	m ³						
	- Nuôi cá	"						
	- Nuôi giáp xác	"						
	- Nuôi nhuyễn thể	"						
3.	Sản lượng con giống sản xuất	Triệu con						
	- Cá giống	"						
	- Tôm giống	"						
	- Nhuyễn thể giống	"						
4	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	19.969,6	193.600	9.483,3	19.357,7	96,94%	10,00%
4.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	8.858,3	110.600	4.187,4	7.156,1	80,78%	6,47%
4.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	8.098,1	60.600	3.143,4	5.513,0	68,08%	9,10%
	- Sản lượng cá	"	7.848,45	60.000	3.042,55	5.315,85	67,73%	8,86%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	885	9.500	323	366		3,85%
	+ Cá lóc	"	4.394	26.000	2.533	3.635	82,72%	13,98%
	- Sản lượng giáp xác	"	230	600	100,9	197,1	85,85%	32,85%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	230	600	100,9	197,1	85,85%	32,85%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	20,1					
4.1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	760,2	50.000	1.043,9	1.643,2	216,15%	3,29%
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	Trong đó: Cá giò, cá song	"						
	...							
	- Sản lượng tôm nuôi	"	704	48.000	1.038,5	1.609,8	228,66%	3,35%
	Trong đó: + Tôm sú	"	12,7	13.500	272,3	450,9	3550,71%	3,34%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	209	26.000	556,0	708,1	338,81%	2,72%
	+ Nuôi cua biển	"	482	8.500	210,2	450,7	93,45%	5,30%
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"	56,2	2.000	5,5	33,4		1,67%
4.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	11.111,3	83.000	5.295,94	12.201,55	109,81%	14,70%
4.2.1.	Khai thác biển	Tấn	9.214,6	68.500	4.329,84	10.057,41	109,15%	14,68%
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	4.603,1	27.000	2.440,5	4.941,3	107,35%	18,30%
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	1.550,2	8.500	420,1	1.428,9	92,18%	16,81%
	Trong đó: - Tôm...	"	1.550,2					

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ năm trước	KH vụ/năm 2015	TH tháng 02	Ước TH kỳ này	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	- ...							
	+ SL nhuyễn thể khai thác	Tấn						
	Trong đó: - Loài ...	"						
	- ...	"						
	+ SL hải sản khác khai thác	"	3.061,3	33.000	1.469,3	3.687,1	120,44%	11,17%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	1.896,7	14.500	966	2.144,1	113,04%	14,79%
	Trong đó: - Cá các loại	"	784,6	6.800	415	882,9	112,53%	12,98%
	- Tôm các loại	"	712,3	4.700	388	816,8	114,66%	17,38%
	- Nhuyễn thể các loại	"						
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"						
	- Thủy sản khác	"	399,9	3.000	163	444,5	111,17%	14,82%